

Số: 166/BC/NSBN

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

## BÁO CÁO

**Tóm tắt kết quả đạt được năm 2017-2021 và Kết quả hoạt động SXKD năm 2021, xây dựng phương hướng Kế hoạch SXKD năm 2022, kế hoạch 2022-2026**

Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh báo cáo Tóm tắt kết quả đạt được năm 2017-2020 và Kết quả hoạt động SXKD năm 2021, xây dựng phương hướng Kế hoạch SXKD năm 2022, kế hoạch 2022-2026 như sau:

### **I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2017-2021**

#### **a. Tóm tắt một số kết quả đạt được năm 2017-2021.**

- Chuyển mô hình hoạt động từ Công ty TNHH một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần;
- Hoàn thành thay nguồn nước thô nhà máy nước thị trấn Thứa, Lương Tài từ nước sông Đổng Khởi sang sử dụng nước sông Thái Bình;
- Hoàn thành tuyến ống truyền tải nước sạch DN630 từ Nhà máy nước mặt TP Bắc Ninh lên thành phố Bắc Ninh theo đường QL18 và Trạm bơm tăng áp.
- Tiếp nhận Quản lý, vận hành và khai thác Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh giai đoạn 1 công suất 25.000 m<sup>3</sup>/ngđ;
- Hoàn thành dự án Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh giai đoạn 2 công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngđ;
- Hoàn thành tuyến ống cấp nước bổ sung cho các khu vực nước yếu thị trấn Thứa, Lương Tài.
- Tiếp nhận quản lý vận hành Mạng đường ống cấp nước 4 xã: Phương Liễu, Phượng Mao, Việt Hùng, Bồng Lai huyện Quế Võ;
- Tiếp nhận quản lý vận hành Mạng đường ống cấp nước 3 phường: Đổng Kỵ, Đổng Nguyên, Tân Hồng- thành phố Từ Sơn;
- Được UBND tỉnh Bắc Ninh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt Bắc Ninh công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngđ và tuyến ống truyền tải (Liên danh Công ty cổ phần tập đoàn Long Phương).

- Doanh thu 5 năm từ 5/2017-2021 đạt 796.809 triệu đồng / kế hoạch 5 năm là 812.500 triệu đồng đạt 98,1%, giảm 1,9% so với kế hoạch (nguyên nhân do ảnh hưởng của đại dịch covid 19).
- Lợi nhuận sau thuế 5 năm từ 5/2017-2021 đạt 126.219 triệu đồng/ kế hoạch là 102.000 triệu đồng, đạt 123,7% so với kế hoạch.
- Tỷ lệ chia cổ tức 5 năm từ 5/2017-2021 đạt 28,81% / kế hoạch 5 năm là 26,5%, đạt 108,7% so với kế hoạch (năm 2021 trình ĐHCĐ tỷ lệ trả cổ tức/vốn là 9%).
- Thu nhập người lao động tăng từ 8.500.000 đồng/người/tháng năm 2017 lên 10.500.000 đồng/người/tháng năm 2021 (thời điểm năm 2016 trước khi cổ phần hoá thu nhập người lao động là 7.420.000 đồng/người/tháng).

## **b. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021**

### **1. Công tác sản xuất và kinh doanh nước sạch**

- Sản xuất nước duy trì cấp nước 24/24, luôn đạt 3 chỉ tiêu: lưu lượng, chất lượng, áp lực. Các chỉ tiêu chất lượng nước sạch luôn phải đạt theo Qui chuẩn 01-2009, QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế và các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, quản lý hệ thống theo ISO/IEC -17025-2017.

- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, tuyến ống, cụm đồng hồ... luôn kịp thời và đảm bảo kỹ thuật.

- Nâng cao dịch vụ cấp nước, dịch vụ chăm sóc khách hàng, từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT toàn diện (Citywork cung cấp) vào công tác quản lý hệ thống cấp nước và chăm sóc khách hàng, Chi tiết đã thực hiện:

+ Thành lập trung tâm chăm sóc khách hàng trực thuộc phòng QLKH, đã áp dụng phần mềm tổng đài chăm sóc khách hàng để tổng hợp Quản lý, giải đáp tất cả các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng.

+ Nâng cấp phần mềm Quản lý khách hàng, đọc số online, ghi chỉ số trên di động, tăng tỷ lệ thanh toán tiền nước không sử dụng tiền mặt.

+ Cài đặt và áp dụng phần mềm Quản lý bảo trì, sửa chữa trong công tác bảo trì sửa chữa hệ thống cấp nước.

+ Lắp đặt bổ sung 18 cụm đồng hồ điện tử, datalogger (nâng tổng số điểm datalogger truyền dữ liệu từ xa lên 35 điểm) trên mạng đường ống cấp nước TP Bắc Ninh để khai thác, quản lý số liệu SCADA tập trung truyền tải dữ liệu lưu lượng, áp lực online lên bản đồ để quản lý, áp dụng chuyển đổi số, từng bước đi lên công nghiệp 4.0.

- Thực hiện kế hoạch sục rửa mạng lưới cấp nước thành phố Bắc Ninh bằng phương pháp quả cầu mút: Đã xây được 161 hố ra vào cầu, đã sục rửa được 88 km ống cấp nước  $D \leq 450\text{mm}$  và đang tiếp tục sục rửa dự kiến quý I/2022 hoàn thành.

## **2. Công tác lắp đặt, đầu tư các công trình cấp nước**

### **\* Các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng:**

- Công trình: Nhà làm việc 1 tầng trạm tăng áp Đại Phúc – Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.

- Công trình: Bổ sung tuyến ống cấp nước cho khu Viêm Xá, khu Ngô Khê, khu I Đại Phúc thành phố Bắc Ninh.

- Công trình bổ sung tuyến ống cấp nước cho thôn Giang Liễu, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ.

- Công trình: Tuyến ống cấp nước cho Khu nhà ở phường Trang Hạ - Thị xã Từ Sơn.

### **\* Các công trình đang thực hiện**

**2.1.** Công trình: ĐTXD Trạm bơm nước thô và bổ sung hồ sơ lắp Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong: *Đã phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và Quyết định thu hồi đất.*

**2.2.** Công trình: Đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải nước sạch từ nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh về thành phố Bắc Ninh: *Đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán, đang lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng.*

**2.3.** Công trình: Đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt Bắc Ninh công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngày và tuyến ống truyền tải (Liên danh với Công ty Cổ phần tập đoàn Long Phương): *Đã lập dự án đầu tư, đang trình Bộ xây dựng thẩm tra, thẩm định.*

**2.4.** Đầu tư tuyến ống từ Nhà máy nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong về thị xã Từ Sơn (cấp bổ sung nguồn cho 3 phường Đồng Kỳ, Đồng Nguyên, Tân Hồng): *Đã phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư, đang tổ chức tự thực hiện thi công xây dựng công trình.*

## **3. Các công tác khác**

- Tổ chức xong Đại hội cổ đông thường niên 20/04/2021 và Đại hội đồng cổ đông bất thường 05/11/2021.

- Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CB CNV.

- Nộp ngân sách và các loại thuế phí đúng quy định. Đóng bảo hiểm đầy đủ cho CBCNV.

- Công ty đã chủ động trong công tác phòng chống dịch covid 19, bố trí cán bộ công nhân viên các nhà máy cấp nước thực hiện “3 tại chỗ” (sản xuất, cách ly, ăn nghỉ tại chỗ); các cán bộ nhân viên văn phòng bố trí 50% luân phiên làm việc tại nhà đảm bảo an toàn sản xuất kinh doanh trong các đợt dịch.

- Công tác cấp nước an toàn: Ban cấp nước an toàn Công ty đã xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn. Định kỳ kiểm tra các nhà máy cấp nước. Các nhà máy cấp

nước đảm bảo Kế hoạch cấp nước an toàn đề ra. Tuy nhiên cần lưu ý phía thượng lưu kênh thu nước Nhà máy nước mặt Bắc Ninh, cách vị trí thu nước 450m có bè nuôi cá, cách 400m về phía hạ lưu có kênh bơm thoát thủy lợi. (Công ty kịp thời có văn bản báo cáo Ban cấp nước an toàn tỉnh đề ngăn ngừa mở rộng thêm các bè nuôi cá ảnh hưởng chất lượng nước nguồn).

## **II. Những tồn tại nguyên nhân**

### **1. Những tồn tại**

- Việc lắp đặt đồng hồ cấp nước phát triển khách hàng chưa hoàn thành theo kế hoạch;

### **2. Nguyên nhân**

Do dịch covid phải giãn cách xã hội, việc lắp nước nhà dân phải tạm ngừng thực hiện.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022**

### **1. Công tác sản xuất kinh doanh nước sạch:**

**1.1.** Đảm bảo duy trì cấp nước 24/24, luôn đạt 3 chỉ tiêu: lưu lượng, chất lượng, áp lực. Các chỉ tiêu chất lượng nước sạch luôn phải đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế và các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước được kiểm soát chặt chẽ, quản lý hệ thống theo ISO/IEC -17025-2017.

**1.2.** Công tác sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, tuyến ống, cụm đồng hồ luôn kịp thời và đảm bảo kỹ thuật.

**1.3.** Quan tâm công tác chống thất thoát, thất thu nước như phân vùng tách mạng; Lắp đặt đồng hồ điện tử theo dõi lưu lượng và áp lực online; thống kê và quản lý tốt các hồ van, hồ đồng hồ tổng; trang bị thiết bị tìm rò rỉ bằng siêu âm; rà soát và lập phương án thu hồi công nợ khách hàng.

**1.4.** Chú trọng công tác đảm bảo cấp nước an toàn, tăng cường kiểm tra giám sát đảm bảo an ninh nguồn nước các nhà máy cấp nước, tiếp tục sục rửa mạng lưới đường ống cấp nước do Công ty đang quản lý vận hành, khai thác.

**1.5.** Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, áp dụng các qui trình qui định thời gian giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của khách hàng, vận động khách hàng thanh toán tiền nước không sử dụng tiền mặt.

**1.6.** Phát huy tối đa các nguồn lực hiện có để mở rộng địa bàn cấp nước, tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp.

**1.7.** Xây dựng, trình duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp, lợi ích của các cổ đông và đời sống người lao động.

*(chi tiết xem Bảng Phụ lục I Kế hoạch sản xuất kinh doanh đính kèm)*

## **2. Kế hoạch thực hiện các dự án dở dang từ năm 2021 chuyển sang:**

**2.1.** Đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải nước sạch từ nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh về thành phố Bắc Ninh;

**2.2.** ĐTXD Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh (công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngđ) và tuyến ống truyền tải (Liên danh với Công ty Cổ phần tập đoàn Long Phương)

**2.3.** Đầu tư tuyến ống truyền tải nước sạch từ Nhà máy nước thị trấn Chờ, huyện Yên Phong về thị xã Từ Sơn (cấp bổ sung nguồn cho 3 phường Đồng Ky, Đồng Nguyên, Tân Hồng);

## **3. Kế hoạch đầu tư các dự án cấp nước năm 2022**

**3.1.** Đầu tư mở rộng và cải tạo nâng cấp các mạng lưới cấp nước của Công ty đang quản lý để phục vụ khách hàng đảm bảo lưu lượng áp lực. Thay thế các đồng hồ đo nước đã quá thời gian sử dụng, khó đọc và không chính xác, thay thế các tuyến ống thường xuyên bục vỡ để chống thất thoát thất thu. Lắp đặt các đồng hồ điện tử để kiểm soát (online) lưu lượng áp lực một số khu vực.

**3.2.** Đầu tư nâng công suất Nhà máy cấp nước thị trấn Chờ cấp cho nhân dân thị trấn Chờ và các cụm, khu công nghiệp, các vùng lân cận khi có nhu cầu.

**3.3.** Tiếp nhận quản lý vận hành hệ thống cấp nước 2 xã Song Giang và Giang Sơn, huyện Gia Bình. Đầu tư nâng công suất nhà máy cấp nước Gia Bình, nâng cấp cải tạo và bổ sung tuyến ống cấp nước cho 2 xã Song Giang, Giang Sơn (nếu được chấp thuận).

**3.4.** Tham gia đấu thầu quản lý vận hành Giai đoạn 1 “Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh theo hình thức Hợp đồng xây dựng- chuyển giao (BT)” Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức mời thầu.

## **4. Các công tác khác:**

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CB CNV.
- Nộp ngân sách và các loại thuế phí đúng quy định. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đầy đủ cho CBCNV.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH CÁC NĂM 2022-2026**

- Mở rộng địa bàn phục vụ cấp nước.
- Xây dựng hệ thống cấp nước của Công ty thành hệ thống cấp nước thông minh, hiện đại, phân vùng tách mạng và kiểm soát thất thoát nước online, tỷ lệ thất thoát nước <15%
- Rút ngắn và qui định hạn mức thời gian xử lý các sự cố ống và các sự cố khách hàng (từ 3 giờ đến tối đa là 10 giờ tùy từng sự cố).

- Hoàn thành dự án Nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh công suất 45.000 m<sup>3</sup>/ngày và tuyến ống truyền tải;
- Đầu tư xây dựng trụ sở điều hành Công ty, nâng cao môi trường làm việc cho người lao động.

**Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 -2026 như sau**

STT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
1	Tổng Doanh thu	trđ	209.677	244.096	256.301	280.711	294.746
2	Tổng số lao động	Người	300	310	315	320	325
3	Thu nhập bình quân người/tháng	trđ	11	12	13	14	15
4	LN sau thuế	trđ	19.000	24.407	26.285	28.162	30.040
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn	%	5%	6,5%	7,0%	7,5%	8,0%

**Ghi chú:** Dự kiến nếu được tăng giá nước năm 2022 lên khoảng 30%, năm 2025 lên 15%-20% thì sẽ đạt được Doanh thu và cổ tức như trên

#### IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Cân đối thu chi, quản lý tốt nguồn vốn đầu tư đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tranh thủ huy động các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
  - Chủ động đầu tư, đổi mới khoa học công nghệ vào quản lý.
  - Xây dựng các chương trình cấp nước an toàn, phân vùng tách mạng để chống thất thoát, thất thu nước sạch, duy trì cấp nước ổn định 24/24 giờ, tỷ lệ thất thoát nước toàn mạng lưới ở mức dưới 15%.
  - Tập trung sức rửa toàn bộ mạng lưới cấp nước thành phố Bắc Ninh hoàn thành trong năm 2022.
  - Vận động khách hàng sử dụng nước sạch, tổ chức hội nghị thu thập ý kiến của khách hàng để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng
  - Phát huy nguồn nội lực để mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng sản xuất, quan tâm đào tạo và đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ, tay nghề cho cán bộ và người lao động trong Công ty đáp ứng yêu cầu thực tế công việc.
  - Áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Khen thưởng kịp thời cho các cá nhân tổ chức có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động.
  - Thực hiện tốt Điều lệ và qui chế Công ty, giữ vững đoàn kết nội bộ trong Công ty.

- Thăm quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các Công ty cấp nước phát triển để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, cải tiến áp dụng các mô hình quản lý, sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng

***Nơi nhận:***

- CT HĐQT (b/c);
- Ban Tổng GD (gửi mail);
- Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lưu Xuân Tâm**



**BẢNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022**

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tăng, giảm thực hiện năm 2021 so kế hoạch 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng, giảm KH năm 2022 so với năm 2021	Ghi chú (m3/ngđ)
1	2	3	4	5	6	8	9	10
<b>A</b>	<b>Sản xuất nước</b>							
<b>I</b>	<b>Sản lượng nước thô</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>25.148.683</b>	<b>25.209.427</b>	100,2%	<b>27.298.679</b>	<b>108%</b>	74.791
1	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	m <sup>3</sup>	3.033.270	3.786.333	124,8%	2.567.775	68%	7.035
2	Nhà máy nước mặt thành phố BN	m <sup>3</sup>	18.364.583	17.837.116	97,1%	21.000.000	118%	57.534
3	NMN Thừa	m <sup>3</sup>	1.429.280	1.434.760	100,4%	1.452.028	101%	3.978
4	NMN Gia Bình	m <sup>3</sup>	1.278.680	1.344.617	105,2%	1.390.788	103%	3.810
5	NMN TT Chờ	m <sup>3</sup>	761.886	806.602	105,9%	861.000	107%	2.359
<b>II</b>	<b>Sản lượng nước sạch</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>27.491.550</b>	<b>28.138.989</b>	102,4%	<b>30.249.869</b>	<b>108%</b>	82.876
1	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	m <sup>3</sup>	3.000.088	3.766.419	125,5%	2.555.000	68%	7.000
2	Mua nước sạch Cty Sông Cầu	m <sup>3</sup>	3.467.500	3.591.028	103,6%	3.650.000	102%	10.000
3	Nhà máy nước mặt thành phố BN	m <sup>3</sup>	17.630.000	17.048.130	96,7%	20.075.000	118%	55.000
Trong đó	Cấp nước sạch lên tp BN	m <sup>3</sup>	12.570.000	11.708.881	93,1%	13.635.000	116%	37.356
	Cấp nước sạch cho Quê võ	m <sup>3</sup>	5.060.000	5.339.249	105,5%	6.440.000	121%	17.644
4	NMN Thừa	m <sup>3</sup>	1.118.200	1.137.823	101,8%	1.096.900	96%	3.005
5	NMN Gia Bình	m <sup>3</sup>	1.229.500	1.300.293	105,8%	1.337.296	103%	3.664
6	NMN TT Chờ	m <sup>3</sup>	719.983	749.697	104,1%	802.000	107%	2.197
7	3 phường thuộc TX Từ Sơn	m <sup>3</sup>	428.469	545.599	127,3%	733.673	134%	2.010
<b>III</b>	<b>Sản lượng nước tiêu thụ</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>24.258.930</b>	<b>24.947.939</b>	102,8%	<b>26.645.778</b>	<b>107%</b>	73.002
1	Khu vực TP Bắc Ninh	m <sup>3</sup>	17.350.024	16.685.678	96,2%	17.583.802	105%	48.175
2	XNCN Phố Mới	m <sup>3</sup>	4.356.732	5.113.197	117,4%	5.668.293	111%	15.530
3	NMN Thừa	m <sup>3</sup>	1.214.911	942.089	98,4%	932.364	99%	2.554





Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tăng, giảm thực hiện năm 2021 so kế hoạch 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng, giảm KH năm 2022 so với năm 2021	Ghi chú (m3/ngđ)
	NMN thừa bán nước thô	m <sup>3</sup>		253.949		297.528	117%	815
4	NMN Gia Bình	m <sup>3</sup>	1.026.600	1.068.216	104,1%	1.109.956	104%	3.041
5	NMN TT Chờ	m <sup>3</sup>	629.985	662.603	105,2%	705.751	107%	1.934
6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	m <sup>3</sup>	364.198	476.156	130,7%	645.612	136%	1.769
<b>IV</b>	<b>Số lượng khách hàng</b>	<b>hộ</b>	<b>87.128</b>	<b>86.416</b>	99,2%	<b>90.856</b>	<b>105%</b>	
1	Khu vực thành phố Bắc Ninh	hộ	54.011	54.386	100,7%	56.186	103%	
2	XNCN Phố Mới	hộ	10.000	9.457	94,6%	10.537	111%	
3	NMN Thừa	hộ	6.100	6.018	98,7%	6.174	103%	
4	NMN Gia Bình	hộ	7.466	7.500	100,5%	7.716	103%	
5	NMN TT Chờ	hộ	4.400	4.508	102,5%	4.772	106%	
6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	m <sup>3</sup>	5.375	4.547	84,6%	5.326	117%	
<b>V</b>	<b>Tỷ lệ thất thoát</b>							
1	Thành phố Bắc Ninh	%	8,86%	12,49%	3,62%	11,37%	-1,11%	Năm 2021 thất thoát tăng do sục rửa ống
2	XNCN Phố Mới (tính tổng bán buôn)	%	14%	4,23%	-9,77%	11,98%	7,75%	
2.1	XNCN Phố Mới (tách phần bán buôn)			11,60%		12,00%		
3	NMN Thừa	%	15%	17,20%	2,20%	15,00%	-2,20%	
4	NMN Gia Bình	%	16,5%	17,85%	1,35%	17,00%	-0,85%	
5	NMN TT Chờ	%	12,5%	11,62%	-0,88%	12,00%	0,38%	
6	3 phường thuộc TX Từ Sơn	%	15%	12,73%	-2,27%	12,00%	-0,73%	
	<b>Cộng thất thoát chung toàn công ty</b>					<b>11,9%</b>		
<b>VI</b>	<b>Tiêu thụ nguyên vật liệu</b>							
<b>1</b>	<b>Lượng điện tiêu thụ</b>							
	<b>Tổng lượng điện tiêu thụ của Cty</b>	<b>Kw</b>						
	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	(Kw/m <sup>3</sup> )	0,48	0,54	0,06	0,54	-	

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tăng, giảm thực hiện năm 2021 so kế hoạch 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng, giảm KH năm 2022 so với năm 2021	Ghi chú (m3/ngđ)
	Nhà máy nước mặt Bắc Ninh	(Kw/m3)	0,36	0,37	0,01	0,37	-	
	NMN Thừa	(Kw/m3)	0,38	0,39	0,01	0,39	-	
	NMN Gia Bình	(Kw/m3)	0,29	0,29	(0,00)	0,29	-	
	NMN TT Chờ	(Kw/m3)	0,40	0,43	0,03	0,44	0,01	
<b>2</b>	<b>Lượng phèn tiêu thụ</b>				-		-	
	<b>Tổng lượng phèn tiêu thụ của Cty</b>				-		-	
	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	(gam/m3)	6,00	6,00	-	6,00	-	
	Nhà máy nước mặt Bắc Ninh	(gam/m3)	12,00	10,00	(2,00)	11,00	1,00	
	NMN Thừa	(gam/m3)	12,00	11,20	(0,80)	11,20	-	
	NMN Gia Bình	(gam/m3)	15,50	15,30	(0,20)	15,30	-	
	NMN TT Chờ	(gam/m3)	14,00	14,30	0,30	14,00	(0,30)	
<b>3</b>	<b>Lượng Clo tiêu thụ</b>				-		-	
	Nhà máy nước ngầm Bắc Ninh	(gam/m3)	5,00	4,00	(1,00)	4,00	-	
	Nhà máy nước mặt	(gam/m3)	1,90	2,10	0,20	2,10	-	
	NMN Thừa	(gam/m3)	1,80	1,56	(0,24)	1,60	0,04	
	NMN Gia Bình	(gam/m3)	1,21	1,21	-	1,21	-	
	NMN TT Chờ	(gam/m3)	2,80	2,84	0,04	2,80	(0,04)	
<b>4</b>	<b>Lượng vôi tiêu thụ</b>				-		-	
	Nhà máy nước Bắc Ninh	gam/m3	80,00	80,00	-	80,00	-	
<b>B</b>	<b>Các Chỉ tiêu tổng hợp</b>							
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đ</b>	<b>202.398</b>	<b>204.080</b>	<b>101%</b>	<b>209.677</b>	<b>103%</b>	
<b>1</b>	<b>Doanh thu nước sạch</b>	<b>Triệu đ</b>	<b>184.611</b>	<b>187.030</b>	<b>101%</b>	<b>199.894</b>	<b>107%</b>	
	Khu vực thành phố Bắc Ninh	Triệu đ	131.700	129.136	<b>98%</b>	135.951	105%	
	XNCN Phố Mới	Triệu đ	29.148	33.006	<b>113%</b>	36.870	112%	
	NMN Thừa	Triệu đ	8.052	8.000	<b>99,4%</b>	8.082	101%	
	NMN Gia Bình	Triệu đ	8.000	8.236	<b>103%</b>	8.713	106%	

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tăng, giảm thực hiện năm 2021 so kế hoạch 2021	Kế hoạch năm 2022	Tăng, giảm KH năm 2022 so với năm 2021	Ghi chú (m3/ngđ)
	NMN TT Chờ	Triệu đ	5.068	5.174	102%	5.519	107%	
	3 phường thuộc TX Từ Sơn	Triệu đ	2.643	3.478	132%	4.759	137%	
2	Cho thuê Tài sản (NM Lim)	Triệu đ	787	787	100%	787	100%	
3	Doanh thu Xây lắp	Triệu đ	11.000	9.620	87%	6.202	64%	
4	Doanh thu tài chính	Triệu đ	5.500	6.066	110%	2.250	37%	
5	Thu nhập khác	Triệu đ	500	577	115%	545	94%	
6	Tổng chi phí	Triệu đ	180.267	176.625	98%	189.190	107%	
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đ	22.131	27.455	124%	23.186	84%	
II	Tổng số lao động	người	315	300	95%	300	100%	
III	Thu nhập bình quân (người/tháng)	đồng/ng/th	9.500.000	10.500.000	111%	11.000.000	105%	
IV	Nộp ngân sách (VAT+TNDN, TN, TCN, MB, Phí thoát nước)	Triệu đ	30.820	24.529	80%	27.000	110%	
V	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đ	19.000	23.855	126%	19.000	80%	
VII	Tỷ lệ cổ tức/vốn	%	5,0%	6,28%	100%	5%		

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH BẮC NINH**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lưu Xuân Tâm*

